

MỘT SỐ CHIẾN LƯỢC HỌC TỪ VỰNG CÓ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

LÂM THỊ THU HIỀN
Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 06/4/2026. Sửa chữa xong 09/5/2026. Duyệt đăng 16/5/2026.

Abstract

Technology has become an integral part in language teaching and learning in general and English language teaching and learning in specific. Accordingly, the use of technology enhanced language learning tools in English language learning has become common as they can improve the knowledge retention and increase engagement. The study aims at unravelling the employment of technology enhanced language learning tool based English vocabulary learning strategies among non-English majored students at Electric Power University. It is undeniable that vocabulary is the core of language. Without adequate vocabulary repertoire, communication cannot occur successfully. Employing subtitled videos to enhance learners' vocabulary was taken into consideration in effort to find out a solution of the problem. This study aimed to investigate the impact of subtitled clips on English vocabulary learning.

Keywords: *Non-English-major learners, technology-enhanced vocabulary learning, vocabulary, vocabulary acquisition.*

1. Đặt vấn đề

Việc học từ vựng tiếng Anh là trọng tâm của việc học Tiếng Anh và gây khó khăn lớn cho những SV không chuyên ngành Tiếng Anh. Một khảo sát do các tác giả thực hiện cho thấy sinh viên (SV) không chuyên ngành Tiếng Anh thường gặp các vấn đề như thiếu môi trường tiếng Anh, ghi nhớ từ vựng riêng lẻ, khó nhớ và ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ. Các chiến lược tương ứng để giải quyết những vấn đề này bao gồm học từ vựng theo tình huống, phân biệt và quy nạp, ôn tập thường xuyên và học bằng liên tưởng. SV nên lựa chọn các chiến lược học tập phù hợp nhất với mình để nâng cao hiệu quả học Tiếng Anh (Kramsch & Thorne, 2020). Cohen (1987) đã xác định một số lĩnh vực học ngôn ngữ mà công nghệ hứa hẹn rất nhiều, bao gồm ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, đọc, viết, dịch thuật, nghe hiểu, cảm thụ văn học và kiểm tra. Về từ vựng, Mello (1996) đã khẳng định việc học từ vựng tiếng Anh thông qua công nghệ có thể linh hoạt và hiệu quả. Hơn nữa, công nghệ dựa trên Internet đã phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm, vì vậy việc sử dụng Internet để học từ vựng tiếng Anh đã trở nên phổ biến hơn trước. Tương tự, Fries, C. Charles (1945) cho rằng "Internet đã mở ra một thế giới đầy tiềm năng để cải thiện vốn từ vựng của người học". Trong việc học Tiếng Anh, người học cần nắm vững 3 lĩnh vực ngôn ngữ bao gồm từ vựng, ngữ pháp và phát âm. Người ta tin rằng từ vựng có tầm quan trọng cốt lõi vì "từ vựng là cốt lõi của ngôn ngữ" (Kramsch & Thorne, 2020), vì vậy, việc thiếu vốn từ vựng có thể dẫn đến việc người học thất bại trong việc hiểu người khác và diễn đạt bản thân. Xét đến phương pháp giảng dạy hiện tại cho SV năm thứ nhất tại Epu, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng SV không thành công trong việc học từ vựng mặc dù được cung cấp đủ kiến thức. Bên cạnh đó, SV không thể áp dụng vốn từ vựng đã học vào giao tiếp khi được hỏi. Điều này tạo áp lực buộc các nhà nghiên cứu phải tìm kiếm một phương pháp mới để dạy từ vựng tiếng Anh nhằm giúp đỡ SV. Sau một hành trình dài tìm kiếm giải pháp, các nhà nghiên cứu nhận ra việc ứng dụng video hoặc tài liệu nghe nhìn trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ ngày càng trở nên phổ biến trong thời đại công nghệ thông tin. Danan (2004) xem tài liệu nghe nhìn là "công cụ giáo dục rất mạnh mẽ" vì chúng làm tăng "khả năng hiểu ngôn ngữ và dẫn

Email: aniehhien99@gmail.com

đến những lợi ích nhận thức bổ sung, chẳng hạn như khả năng xử lý sâu hơn". Nghiên cứu hiện tại được tiến hành để điều tra tác động của các video có phụ đề đến việc học từ vựng tiếng Anh trong bối cảnh tại Trường Đại học Điện lực. Nói cách khác, nghiên cứu này tìm câu trả lời cho câu hỏi: Video có phụ đề tiếng Anh tác động như thế nào đến việc học từ vựng của SV không chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Điện lực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tầm quan trọng của từ vựng trong học Tiếng Anh

Từ vựng là một phần quan trọng trong việc học ngoại ngữ, người học được yêu cầu phải nắm vững từng từ để có thể tăng vốn từ vựng của mình. Việc nắm vững từ vựng sẽ giúp SV học được bốn kỹ năng để thành thạo tiếng Anh. Có rất nhiều lý do thuyết phục để cung cấp cho người học hướng dẫn xây dựng vốn từ vựng, không có lý do nào quan trọng hơn đóng góp của kiến thức từ vựng vào khả năng đọc hiểu. Một trong những phát hiện bền vững nhất trong nghiên cứu về đọc là mức độ liên quan giữa kiến thức từ vựng của người học với khả năng đọc hiểu của họ. Bên cạnh việc có thể cải thiện khả năng nắm vững từ ngữ, nó cũng có thể cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh. Tất nhiên, đây là lợi ích chính của việc nắm vững từ vựng. Còn về việc cải thiện khả năng đọc hiểu văn bản bằng tiếng Anh và một lợi ích quan trọng khác, vốn từ vựng có thể giúp bạn đạt điểm cao trong các kỳ thi TOEFL, TOEIC hoặc IELTS. David Wilkins từng nói rằng, nếu không có ngữ pháp thì rất ít điều có thể được truyền đạt, còn nếu không có vốn từ vựng thì chẳng thể truyền đạt được gì cả. Việc nắm vững vốn từ vựng rất quan trọng, tuy nhiên, vẫn còn nhiều người học gặp khó khăn trong việc này với những trở ngại khác nhau do chưa biết các phương pháp học từ vựng hiệu quả. Một số em ghi nhớ nhanh chỉ bằng cách nghe nhưng cũng có những em cần phải viết. Một số em lại ghi nhớ nhanh chỉ bằng cách đọc.

Ví dụ, một người sẽ không thể hiểu những gì người khác đang nói nếu họ chưa từng nghe một cuộc hội thoại tốt bằng tiếng Anh. Điều không kém phần quan trọng là việc đọc một số văn bản tiếng Anh có tác động lớn hơn nhiều. Sau khi đọc, việc viết văn bản bằng tiếng Anh cũng là một phương pháp cần thiết và cuối cùng, tất nhiên là hội thoại để rèn luyện khả năng làm chủ tiếng Anh của chúng ta. Bốn phương pháp này có thể được sử dụng luân phiên hoặc dần dần để việc nắm vững vốn từ vựng được thực hiện tốt. Người mới bắt đầu thường thiếu tự tin, đặc biệt là khi nói tiếng Anh. Sự thiếu tự tin này xuất phát từ nỗi sợ hãi hoặc xấu hổ khi mắc lỗi trong câu nói. Ai cũng bắt đầu học từ con số không và đều mắc lỗi, bạn cũng không ngoại lệ. Sự tự tin chỉ có thể có được từ chính bản thân bạn (Lewis, 1993). Giải pháp là học nhóm và thường xuyên gặp gỡ người lạ. Mức độ tự tin của bạn sẽ tăng lên nếu bạn quen với điều đó, vì vậy để quen, bạn phải học với nhiều người. Một lựa chọn tuyệt vời nếu bạn thích cộng đồng học Tiếng Anh và sẵn sàng tham gia. Dưới đây là một số phương pháp học tập có sự trợ giúp của công nghệ thông tin làm tăng khả năng ghi nhớ từ vựng của người học.

Trong tiêu đề bài viết này, tác giả đã tách biệt việc dạy và học. Bởi vì, khi nói đến từ vựng, chúng tôi nghĩ rằng một số hoạt động được thiết kế để giới thiệu và luyện tập từ vựng, trong khi các hoạt động khác được thiết kế giúp người học ghi nhớ và vận dụng từ vựng. Tất nhiên, ranh giới không hoàn toàn rõ ràng và nhiều hoạt động bao gồm cả hai lĩnh vực. Vì vậy, chúng tôi chia bài viết này thành hai phần chính: phần đầu tiên xem xét các kỹ thuật và hoạt động khác nhau được thiết kế để dạy từ vựng, cả mới và cũ (hoặc quen thuộc); và các kỹ thuật và hoạt động tập trung vào việc học từ vựng. Các kỹ thuật và hoạt động sau này cần được giới thiệu (hoặc dạy) cho người học nhưng một khi các em đã thành thạo, chúng có thể được sử dụng độc lập mà không cần GV hướng dẫn và chúng có thể dùng được từ vựng mà chúng nhớ được một cách tự nhiên trong các ngữ cảnh khác nhau (Nunan, D., 1999).

2.2. Hình ảnh và thực tế (Visuals and realia)

Một trong những cách dạy từ vựng hiệu quả nhất là cho SV xem từ đó. Những từ cụ thể (chủ yếu là danh từ) thường có thể được truyền đạt thông qua hình ảnh hoặc vật thật. Ví dụ, một từ như "ghế" (là danh từ) khá dễ dạy bằng cách chỉ vào một chiếc ghế hoặc cho xem hình ảnh. Tương tự, các từ liên quan như "ghế đầu", "ghế bành", "ghế sofa", "ghế xếp",.... có thể được dạy theo cách tương tự và sự khác biệt giữa mỗi từ được làm rõ ràng hơn. Ngay cả một số từ trừu tượng cũng thường có thể được truyền đạt bằng hình ảnh - ví dụ, một bức tranh vẽ một người đàn ông và một người phụ nữ cùng với một trái

tim có thể được sử dụng để truyền đạt từ "tình yêu".

2.3. Diễn kịch câm và giai thoại (Mime and anecdotes)

Hình ảnh và vật thật thường chỉ giới hạn ở những từ cụ thể và có lẽ không hiệu quả khi nói đến những khái niệm trừu tượng hơn và thậm chí cả một số lĩnh vực từ vựng cơ bản như động từ, trạng từ và tính từ. Tuy nhiên, ba lĩnh vực từ vựng này lại rất phù hợp với diễn kịch câm và giai thoại. Việc diễn tả bằng cử chỉ các từ như chạy và đi bộ tương đối dễ dàng, thậm chí còn giúp phân biệt giữa các từ thuộc cùng một nhóm nhưng có sự khác biệt cơ bản về nghĩa, ví dụ: chạy, đi bộ, dạo chơi, chạy nước rút, chạy bộ, lang thang,... Việc sử dụng cử chỉ để dạy các trạng từ chỉ cách thức, ví dụ: nhanh chóng, chậm rãi, vui vẻ cũng tương đối dễ dàng. Việc cho SV diễn tả bằng cử chỉ các hành động khác nhau theo một cách cụ thể rất thú vị và là một cách tốt giúp các trạng từ dễ nhớ hơn. Một cách khác để giới thiệu từ vựng là kể một câu chuyện ngắn có chứa các từ mới. Điều này giúp các từ có ngữ cảnh và giúp người học hiểu không chỉ nghĩa cốt lõi mà còn cả cách sử dụng các từ đó. Việc lặp lại các từ trong một câu chuyện cũng khá đơn giản để SV nghe cùng một từ nhiều lần. SV càng nghe một từ nhiều lần, khả năng nhớ từ đó càng cao. Sự lặp lại khá tự nhiên trong các câu chuyện và do đó không có vẻ lạc lõng khi dùng từ vựng trong các ngữ cảnh khác nhau.

2.4. Gợi ý và ngữ cảnh (Eliciting and contexts)

Gợi ý từ vựng là một cách hiệu quả để kích hoạt trí nhớ của các em (Turgut, Irgin, 2009). Trong một lớp học, rất có thể một hoặc hai SV đã từng gặp từ đó trước đây, ngay cả với trình độ thấp. Điều này cũng giúp bạn tìm hiểu xem SV của mình đã biết được bao nhiêu. Có một vài kỹ thuật khác nhau để gợi ý từ vựng, từ việc vẽ nhanh một bức tranh trên bảng đến việc đưa ra lời giải thích hoặc một ví dụ ngắn gọn về một tình huống. Điều quan trọng cần nhớ khi bạn gợi ý (hoặc giải thích) từ vựng là ngôn ngữ bạn sử dụng phải đơn giản hơn ngôn ngữ bạn đang cố gắng gợi ý. Việc đưa ra ngữ cảnh cho một từ giống như việc lồng ghép từ đó vào một câu chuyện, giúp SV thấy được cách một từ vựng cụ thể có thể được sử dụng, nó cũng làm cho từ đó dễ nhớ hơn, giúp SV học tốt hơn. Ngay cả khi bạn không thể gợi ý được một từ từ SV của mình, khi cuối cùng bạn nói cho họ biết từ bạn đang cố gắng gợi ý thì khả năng họ nhớ được từ đó và nghĩa của nó sẽ cao hơn nhiều.

2.5. Sử dụng từ đồng nghĩa và trái nghĩa (Using synonyms and antonyms)

Một kỹ thuật thường được GV sử dụng, đặc biệt là ở các cấp độ thấp là giải thích từ bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa. Về nhiều mặt, đây là một ý tưởng thiếu sót: Thứ nhất, bởi vì nhiều từ sẽ ở cùng một cấp độ và nếu người học không biết từ này thì họ cũng sẽ không biết từ kia, ví dụ: nếu GV muốn gợi ý từ "đen" và nói rằng nó là từ trái nghĩa với "trắng" thì điều này khó có thể hữu ích vì các em có thể không biết từ "trắng". Thứ hai, nó có thể rất dễ gây hiểu nhầm vì rất ít từ có từ trái nghĩa trực tiếp. Ví dụ, từ trái nghĩa với "cũ" là gì? Là "mới" hay "trẻ"? cả hai nhưng điều đó lại gây nhầm lẫn. Thứ ba, nhiều từ có nhiều hơn một từ trái nghĩa hoặc đồng nghĩa với nghĩa tương tự, vậy bạn nên sử dụng từ nào? Ví dụ, từ trái nghĩa với "vui" có thể là "buồn" hoặc "không vui", nó thường phụ thuộc vào ngữ cảnh. Tuy nhiên, việc sử dụng từ trái nghĩa và đồng nghĩa để giúp gợi ý từ đôi khi có thể hữu ích, miễn là được suy nghĩ kỹ lưỡng. Từ đồng nghĩa và trái nghĩa cũng có thể cực kỳ hữu ích như một khuôn khổ để ghi nhớ và lưu giữ từ vựng (chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn điều này trong phần về học từ vựng).

2.6. Dịch thuật (Translation)

Dịch thuật là một kỹ thuật khác cũng có ưu điểm và nhược điểm. Nhiều GV và người đào tạo GV coi dịch thuật là một điều không tốt. Họ dường như cảm thấy rằng dịch thuật bằng cách nào đó sẽ ngăn cản SV trở nên thành thạo ngôn ngữ mục tiêu. Điều này rõ ràng là không đúng. Có rất nhiều trường hợp người học trở nên khá, giỏi một ngôn ngữ mặc dù phụ thuộc rất nhiều vào dịch thuật. Trong một số trường hợp, dịch thuật rõ ràng là có lợi. Khi một nhóm SV có cùng tiếng mẹ đẻ (và đặc biệt là khi GV cũng vậy), việc sử dụng phương pháp này thỉnh thoảng là hợp lý. Trên thực tế, dịch thuật thường có thể tiết kiệm thời gian và giúp hiểu bài tốt hơn. Nhiều SV sử dụng dịch thuật khi ghi chép từ vựng mới, bất kể GV có thích hay không. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải cho SV nhận thức được một số hạn chế của dịch thuật. Thường thì không có bản dịch trực tiếp (tương đương từng từ) hoặc một ngôn ngữ có thể có nhiều hơn một cách nói, tùy thuộc vào ngữ cảnh. Việc cho SV nhận thức được những vấn đề

này thay vì hoàn toàn tránh dịch thuật có thể giúp ích cho việc học của họ. SV rất dễ trở nên quá phụ thuộc vào GV để dịch mọi thứ, vì vậy dịch thuật chỉ nên được sử dụng như một trong nhiều kỹ thuật được áp dụng trong việc dạy từ vựng.

2.7. Từ điển (Dictionaries)

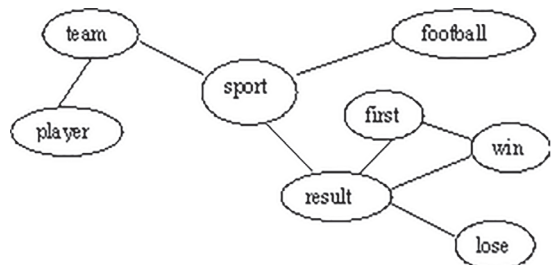
Việc cung cấp cho SV các chiến lược học tập là một phần quan trọng của việc giảng dạy. Khi bạn xem xét lượng thời gian người học sẽ dành cho việc học ngoài lớp học, rõ ràng điều cần thiết là bạn phải giúp họ trở thành những người học độc lập. Một trong những cách tốt nhất và có lẽ dễ nhất để học từ mới là sử dụng từ điển (đặc biệt là một từ điển đơn ngữ tốt như Từ điển Macmillan). Khuyến khích SV sử dụng từ điển trong lớp học khi đọc một văn bản chẳng hạn sẽ vô cùng hữu ích cho các em. Một hoạt động sử dụng từ điển hay để phát triển vốn từ vựng là yêu cầu SV tìm một từ mà các em vừa học gần đây và đọc định nghĩa của nó, sau đó chọn một từ trong định nghĩa mà các em không thực sự hiểu hoặc cho rằng đó là từ khóa, rồi tra từ đó và đọc định nghĩa. Làm việc theo cặp, ghi lại "lộ trình" và các định nghĩa mà SV chọn có thể dẫn đến một giai đoạn học từ vựng mới và suy nghĩ về ý nghĩa cực kỳ hiệu quả.

2.8. Từ khóa và hình ảnh (Key words and pictures)

Đây là một kỹ thuật mà một số người cho rằng giúp ghi nhớ từ và nghĩa của nó. Kỹ thuật này dựa trên việc tạo ra một hình ảnh trong đầu, kết nối từ mới trong ngôn ngữ thứ hai với một từ trong ngôn ngữ mẹ đẻ của SV có mối liên hệ nào đó (thường là âm thanh) với từ ngôn ngữ thứ hai. Ví dụ, khi tôi muốn nhớ cách nói "Tôi yêu bạn" trong tiếng Trung, tôi kết nối các từ tiếng Trung tạo nên cụm từ đó với ba từ/hình ảnh trong tiếng Anh - tường, mắt và đầu gối. Khi tôi ghép những từ tiếng Anh này lại với nhau, tôi có thể tạo thành cụm từ "Tôi yêu bạn" trong tiếng Trung! Nếu bạn không thể nghĩ ra một từ khóa thì thường một hình ảnh đơn giản sẽ giúp bạn nhớ lại từ và nghĩa của nó.

2.9. Nhóm, thang đo và sơ đồ mạng nhện (Groups, scales and spider grams)

Việc nhóm các từ thành các nhóm từ vựng có liên quan là một kỹ thuật tốt khác. Các nhóm có thể bao gồm các từ loại thấp hơn, chẳng hạn như cha, mẹ, chị gái, con trai, anh chị em họ, dì, ông; các nhóm ngữ pháp, chẳng hạn như tính từ và trạng từ; hoặc các từ gốc và từ phái sinh, chẳng hạn như thoải mái, khó chịu, dễ chịu, không thoải mái. Một cách khác để nhóm các từ là sử dụng thang đo. Đây là cách phổ biến để trình bày các trạng từ chỉ tần suất trong nhiều sách, ví dụ: luôn luôn, thường, thường xuyên, đôi khi, hầu như không bao giờ, không bao giờ, nó cũng hữu ích cho các nhóm tính từ có thể được trình bày trên thang đo từ cực này đến cực kia, ví dụ: sôi, nóng, ấm, mát, lạnh, đóng băng. Cuối cùng, sử dụng sơ đồ mạng nhện có thể cực kỳ hữu ích vì nó cho phép bạn thêm nhiều từ hơn sau này. Một sơ đồ mạng nhện cho môn thể thao có thể trông như thế này.



2.10. Cụm từ cố định và từ vựng ngữ pháp

Một khía cạnh quan trọng trong việc học cách sử dụng từ vựng là biết chúng kết hợp với những từ nào khác. Theo nhiều cách, cụm từ cố định là những khối xây dựng của ngôn ngữ và các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng người bản ngữ thường dựa vào các cụm từ đã được hình thành sẵn hơn là ghép các từ lại với nhau từng cái một. Các bài tập mà chúng ta học cách ghép các từ để tạo thành cụm từ cố định luôn hữu ích. Ví dụ, SV có thể biết rằng chúng ta có thể dùng "a packet of biscuits" (gói bánh quy) hoặc "a tin of biscuits" (hộp bánh quy) nhưng chúng ta sẽ không dùng "a tube" (ống) hoặc "a can of biscuits" (lon bánh quy). Đôi khi các cụm từ cố định gần như mang tính ngữ pháp. Xét cho cùng, cụm từ cố định là các mẫu ngôn ngữ, chính xác là ngữ pháp. Một ví dụ về loại cụm từ cố định này là với các từ như "make" (làm) và "do" (làm). Chúng ta có thể "make the bed" (dọn giường), "make breakfast" (làm bữa sáng), "make a mistake" (mắc lỗi) nhưng chúng ta "do stuff" (làm việc nhà) hay "do the housework". Do đó, giúp SV học các cụm từ cố định là một bước cơ bản để giúp họ sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả.

2.11. Các cách ghi chép (Ways of recording)

Ghi chép từ vựng giúp SV nhớ từ vựng tốt hơn và lâu hơn vào bộ nhớ dài hạn của mình. Tuy nhiên, thầy cô nên hướng dẫn người học cách ghi chép một từ và cách thực hiện cách đơn giản nhất và hiệu quả nhất, bao gồm các mục sau:

Vocab item	Grammar	Pronunciation	Meaning (Definition / Picture)
cat	noun	/kæt/	
Example	Collocations	Translation	Other (i.e. word family, synonyms, antonyms)
It rains cats and dogs	-	Mưa như trút nước	Kitten - a young cat. Wild cats - lion, tiger, etc

2.12. Phụ đề song ngữ (Interlingua subtitles)

Loại phụ đề này còn được gọi là “phụ đề chuẩn” hoặc “phụ đề ngôn ngữ 1”. Trong loại phụ đề này, phần âm thanh được viết bằng ngôn ngữ đích hoặc ngôn ngữ gốc của phim hoặc video và phần văn bản đi kèm là bản dịch sang ngôn ngữ mẹ đẻ của người xem. Việc tạo phụ đề song ngữ cần được thực hiện cẩn thận, vì nó rất quan trọng để đảm bảo sự hiểu biết chính xác. Ivarsson & Carroll (1998) trong “Bộ quy tắc thực hành phụ đề tốt” đã đề xuất một số tiêu chí cần được xem xét khi tạo phụ đề, như sau: - Chính xác về mặt ngữ pháp và từ vựng; - Xem xét sự khác biệt về văn hóa và thành ngữ của nguồn gốc; - Sử dụng văn phong phù hợp; - Được viết bằng văn bản ngữ pháp dễ hiểu.

3. Kết luận

Một số chiến lược học từ vựng nêu trên là những kỹ thuật hiệu quả có thể nâng cao khả năng học tập của SV. Trong bài viết này, chiến lược học từ vựng thường được SV đại học không chuyên ngành Tiếng Anh áp dụng. Một số cách học khác như ghi nhớ từ mới bằng cách viết chúng lặp đi, lặp lại hay đặt câu với từ vựng đòi hỏi quá trình xử lý nhận thức sâu hơn được sử dụng từ thường xuyên hơn so với những chiến lược chỉ yêu cầu SV phải nhớ từ trong thời gian dài cho công việc hay các tình huống thực tế. Trong quá trình học tập và ghi nhớ từ vựng tiếng Anh mới, SV có thể áp dụng một số chiến lược để học từ vựng tiếng Anh hiệu quả, điều này phù hợp với nghiên cứu của Schmitt và McCarthy (Schmitt, McCarthy, 2000, tr. 94). Tuy nhiên, hầu hết SV tham gia không có đủ kiến thức về các chiến lược học từ vựng. Các cách học từ vựng được sử dụng thường xuyên nhất lại là các chiến lược sử dụng đến yếu tố như: Di sản văn hóa, tuổi tác, giới tính, môi trường học tập và trình độ ngôn ngữ là những yếu tố tiềm tàng ảnh hưởng đến tần suất sử dụng các chiến lược học từ vựng. SV đại học thường sử dụng nhiều chiến lược học từ vựng khác nhau. Họ sử dụng các chiến lược khác nhau để ghi nhớ từ mới và mở rộng vốn từ vựng của họ. Không giống như SV kém, SV giỏi có những đặc điểm sau: họ có khả năng tự giám sát việc học của mình, tham gia vào các hoạt động học tập sâu sắc hơn, tập trung vào vốn từ vựng hiệu quả và tiếp thu thông tin ngôn ngữ thứ hai trong từng ngữ cảnh.

Tài liệu tham khảo

- Cohen. (1987). *Language Learning: Insights for Learners, Teachers, and Researchers*. New York Oxford University Press, pp. 152.
Fries, C. Charles (1945). *Teaching and Learning English as a Foreign Language*. Michigan: The University of Michigan Press, pp. 671.
Kramsch, Thorne (2020). *Tseng (2019) Language Learning Strategies: What Every Teacher Should Know*. New York: Newberry House, pp. 92.
Lewis (1993). *Vocabulary: Description Acquisition and Pedagogy*. New York: Cambridge University Press, pp. 215.
Nunan, D. (1999). *Second Language Teaching and Learning*. Heinle & Heinle, pp. 63.
Turgut, Irgin (2009). *Vocabulary: Linguistics in Language Teaching*. London: Edward Arnold, pp. 254.